

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-04-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp con chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Nhị

Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2022; số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đình H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 02, ngách 5, tổ dân phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 02, ngách 5, tổ dân phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Đình Hà trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ánh T kết hôn vào ngày 29/03/2007, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ, chồng về sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, anh H làm nghề tự do, chị T làm công nhân, cuộc sống tình cảm vợ chồng bình thường. Khoảng năm 2012, sau khi sinh cháu thứ hai

thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng là từ khoảng năm 2017- 2018. Thời gian này vợ chồng đã làm đơn gửi đến Tòa án để xin ly hôn, nhưng được Tòa án Hòa giải nên vợ chồng quay về đoàn tụ. Được thời gian ngắn thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn. Vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm và đánh nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là tính cách, quan điểm sống trái ngược nhau, một phần do kinh tế khó khăn. Mặc dù, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên anh Phạm Đình H xin được ly hôn với chị Trần Thị Ánh T.

Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung tên là Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hoàng B, sinh ngày 10/11/2012. Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai anh H xin được nuôi con Phạm Hoàng B, còn con Phạm Hoàng L giao cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoàng B mỗi tháng 4.000.0000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Ánh T trình bày:

Chị T thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như anh H trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thời gian gần đây là do gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Chị thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như: cãi vã, chửi bới, đánh nhau. Tuy nhiên, vì hai con vợ chồng nên về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái. Chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung tên là Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hoàng B, sinh ngày 10/11/2012. Nếu ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con. Yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoàng B mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có bản tự khai, có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: tình trạng hôn nhân giữa anh Phạm Đình H và chị Trần Thị Ánh T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho anh Phạm Đình H được ly hôn với chị Trần Thị Ánh T; Về con: Giao hai con chung Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hoàng B, sinh ngày 10/11/2012 cho chị Trần Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Đình H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoàng B mỗi tháng 4.000.000 đồng là phù hợp; Về tài sản, nợ chung: anh Phạm Đình H và chị Trần Thị Ánh T không yêu cầu nên miễn xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Đình H khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với chị Trần Thị Ánh T nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung”. Chị Trần Thị Ánh T hiện trú tại: Số nhà 01, ngõ 02, ngách 5, tổ dân phố 3, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ánh T xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố H, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Ánh T là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Phạm Đình H và chị Trần Thị Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Phạm Đình H nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H xin được ly hôn. Chị Trần Thị Ánh T thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, vì các con chị không đồng ý ly hôn. Nguyên vọng của chị T là vợ chồng về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã làm đơn gửi đến Tòa án để xin ly hôn, được Tòa án hòa giải nên vợ chồng về đoàn tụ gia đình. Vợ chồng về sống với nhau được thời gian ngắn thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, kéo dài cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh Phạm Đình H, chị Trần Thị Ánh T đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình giải quyết cho anh Phạm Đình H được ly hôn chị Trần Thị Ánh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Anh Phạm Đình H và chị Trần Thị Ánh T đều thừa nhận vợ chồng có 2 con chung tên là Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hoàng B, sinh ngày 10/11/2012. Chị Trần Thị Ánh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: chị T hiện có chỗ ở ổn định, con từ nhỏ chủ yếu sống với chị, được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Bản thân anh Phạm Đình H hiện đang làm nghề chạy xe, thường xuyên phải đi làm ăn ở xa, anh H cũng có nguyện vọng giao hai con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao hai con chung cho chị Trần Thị Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Trần Thị Ánh T yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoàng B mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh H xin đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Hoàng B mỗi tháng 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhân thấy: việc anh H tự nguyện đóng góp số tiền 4.000.000 đồng, để cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoàng B là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Anh Phạm Đình H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Đình H, chị Trần Thị Ánh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn anh Phạm Đình H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Đình H được ly hôn chị Trần Thị Ánh T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng L, sinh ngày 29/3/2006 và Phạm Hoàng B, sinh ngày 10/11/2012 cho chị Trần Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Đình H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoàng B mỗi tháng 4.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Thị Ánh T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Phạm Đình H không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Phạm Đình H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Đình H, chị Trần Thị Ánh T không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Phạm Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001024 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh H phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Bắc Hà,
Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng